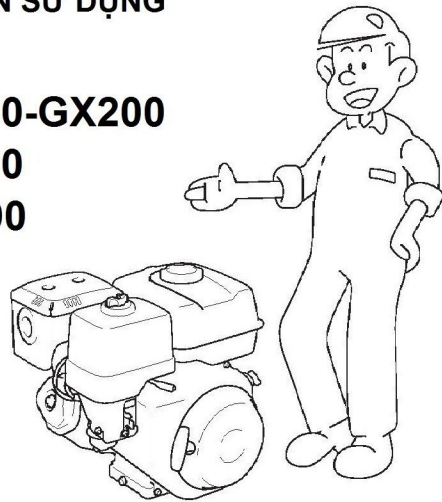


### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

**GX120-GX160-GX200  
GX240-GX270  
GX340-GX390**



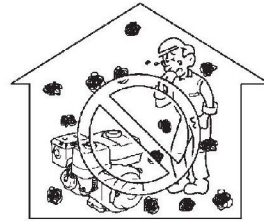
Honda Motor Co., Ltd.

-1-

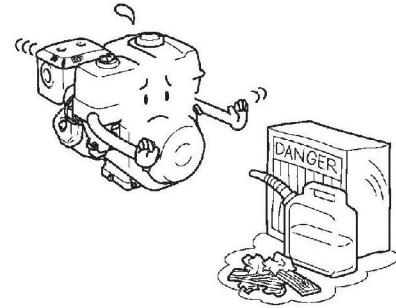
### 1. HƯỚNG DẪN AN TOÀN

**KHÔNG DỪNG TRONG NHÀ  
HOẶC NHỮNG NƠI KÍN**

Khí CO từ động cơ có thể gây  
ngộ độc cho người vận hành.



**TRÁNH XA CÁC VẬT LIỆU DỄ CHÁY**



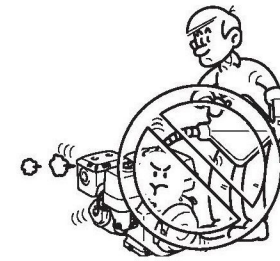
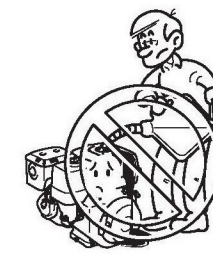
**KHÔNG HÚT THUỐC**

**KHI CHĂM NHIÊN LIỆU:**



**KHÔNG LÀM TRẦN NHIÊN LIỆU  
HOẶC RƠI VẢI NHIÊN LIỆU KHI  
CHĂM**

**NẾU TRẦN/RƠI VẢI NHIÊN LIỆU  
PHẢI CHẮC CHÁN RẰNG NHIÊN  
LIỆU ĐƯỢC LAU KHÔ TRƯỚC  
KHI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ.**



**PHẢI DỪNG ĐỘNG CƠ KHI  
CHĂM NHIÊN LIỆU**

### 2. KIỂM TRA TRƯỚC KHI VẬN HÀNH

Trước khi sử dụng, kiểm tra rò rỉ nhớt và nhiên liệu xung quanh và  
bên dưới động cơ.

#### 1. CẤP NHỚT



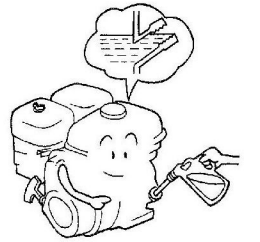
**CHÚ Ý:** Phải chắc chắn động cơ nằm trên mặt  
phẳng ngang và động cơ đã dừng hẳn.

4-STROKE MOTOR OIL  
SAE 10W-30  
API SE, SF, SG



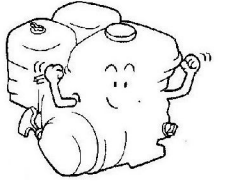
**NHỚT DÙNG CHO ĐỘNG CƠ XĂNG 4 THỊ:  
LOẠI NHỚT: SAE10W-30  
CẤP NHỚT: CẤP SE HOẶC CAO HƠN**

#### 1. Kiểm tra mức nhớt



2. Nếu mức nhớt thấp, phải châm  
thêm nhớt cho đến mức trên

**ĐỂ MÁY TRÊN MẶT PHẶNG NGANG,  
CHĂM NHỚT ĐẾN KHI VỪA CHÓM  
TRẦN RA CỎ NHỚT LÀ ĐỦ.**

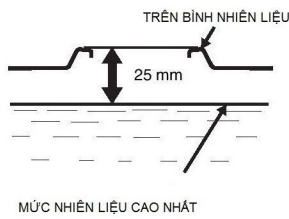
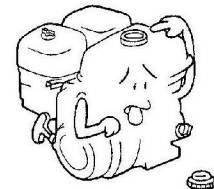


### 2. MỨC NHIÊN LIỆU

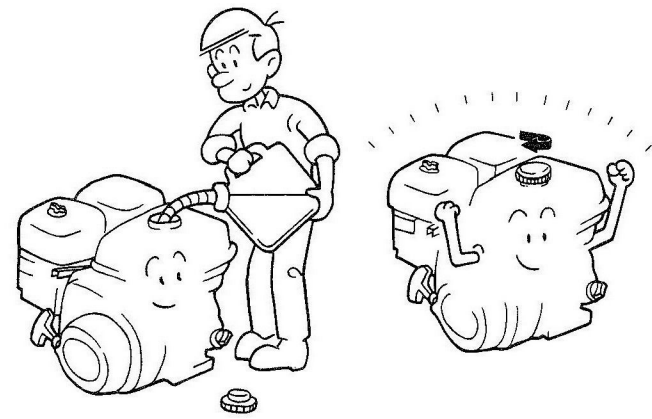


#### 1. Kiểm tra mức nhiên liệu

2. Nếu mức nhiên liệu thấp, châm thêm  
cho đến mức trên.



Không dùng xăng trộn  
lẫn với dầu/nhớt hoặc  
xăng bẩn



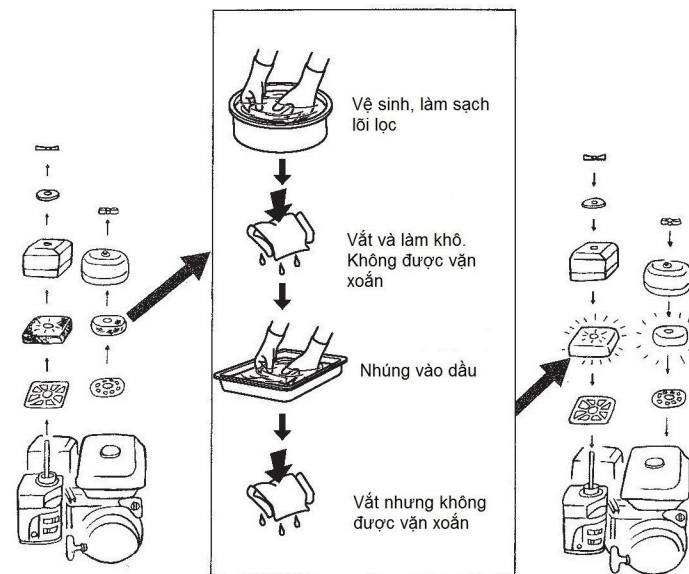
### 3. LỌC GIÓ

-5-

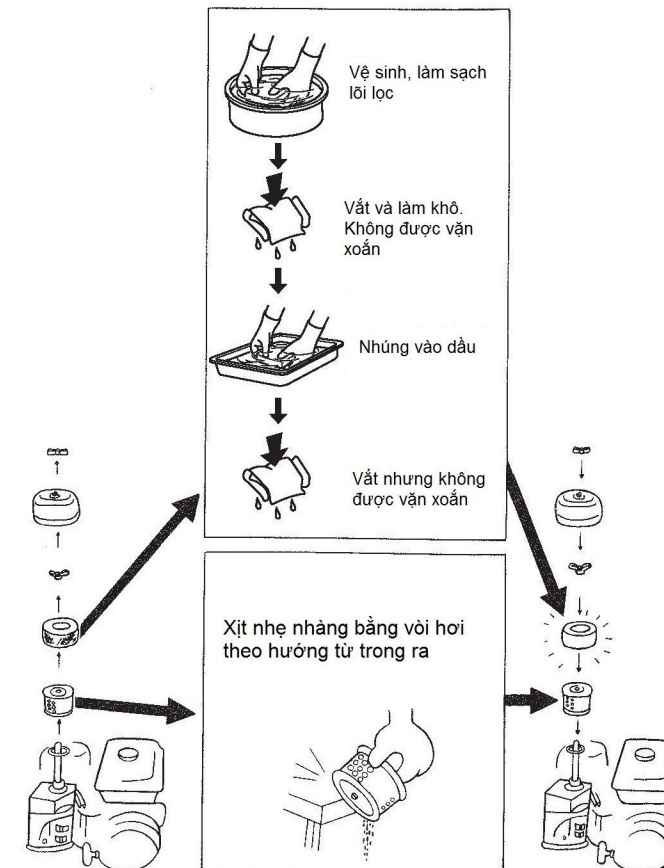


2. Kiểm tra lõi lọc nhớt. Vệ sinh hoặc thay  
thế lọc nếu cần thiết.

#### LOẠI BÁN KHÔ



#### LOẠI LỌC KÉP



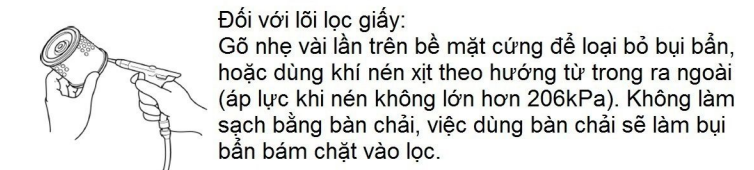
#### LỌC LỐC XOÁY

Tháo nắp chụp lọc gió và làm sạch bằng cách xịt khí nén, rửa bằng  
nước hoặc gỗ nhẹ.

Lưu ý: không tháo cốc lọc bụi.



Nếu lỗ thoát trên cốc lọc bụi bị tắt, thông lỗ thoát bụi bằng que nhỏ,  
sau đó lật ngược nắp chụp lại và gõ nhẹ.



**Đối với lõi lọc giấy:**  
Gõ nhẹ vài lần trên bề mặt cứng để loại bỏ bụi bẩn,  
hoặc dùng khí nén xịt theo hướng từ trong ra ngoài  
(áp lực khi nén không lớn hơn 206kPa). Không làm  
sạch bằng bàn chải, việc dùng bàn chải sẽ làm bụi  
bắn bám chặt vào lọc.

-6-

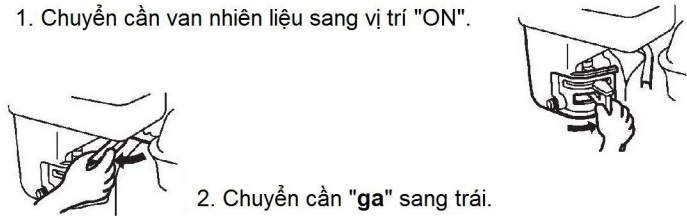
-7-

-8-

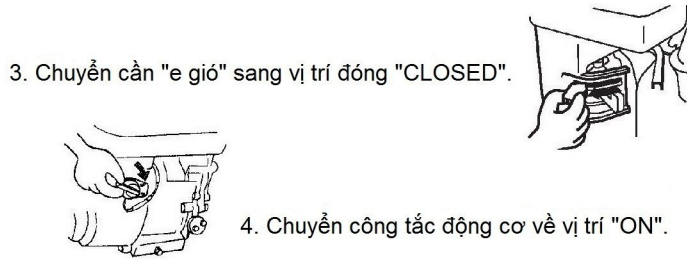


### 3. KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ

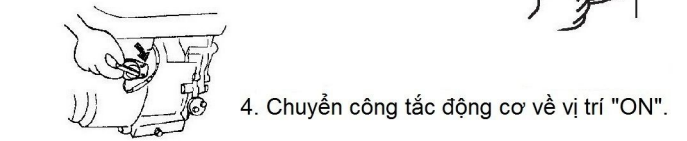
1. Chuyển cần van nhiên liệu sang vị trí "ON".



2. Chuyển cần "ga" sang trái.

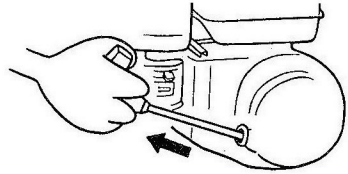


3. Chuyển cần "e gió" sang vị trí đóng "CLOSED".

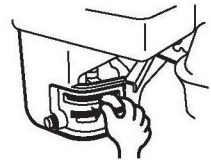


4. Chuyển công tắc động cơ về vị trí "ON".

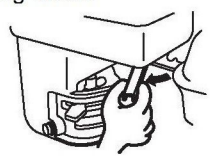
5. Kéo nhẹ tay nắm giạt cho đến khi vừa cứng tay, sau đó giạt mạnh.



6. Chuyển cần "e gió" về vị trí "OPEN".



7. Kéo cần "ga" đến mức ga mong muốn.



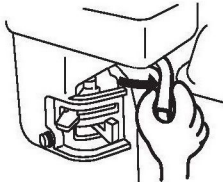
### Hệ thống báo nhớt (đối với dòng có báo nhớt)

Trước khi mức nhớt bôi trơn trong "Cạc te" nhớt giảm xuống dưới giới hạn an toàn, hệ thống báo nhớt sẽ tự động dừng động cơ ( công tắc động cơ vẫn ở vị trí "ON").

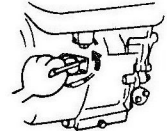
NẾU THIẾU NHỚT DẪN ĐẾN DỪNG MÁY, HÃY CHĂM THÊM NHỚT

### 4. DỪNG ĐỘNG CƠ

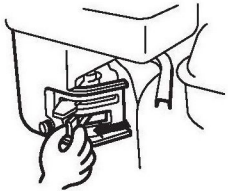
1. Đẩy hết cần ga về phía bên phải



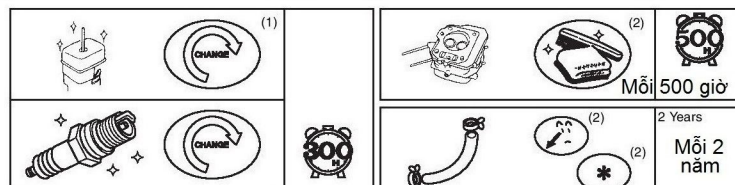
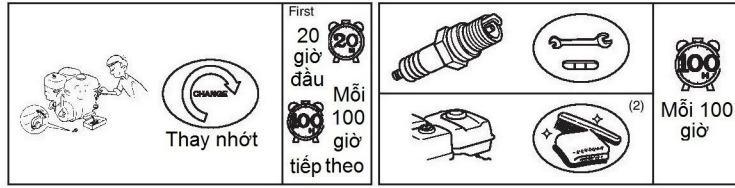
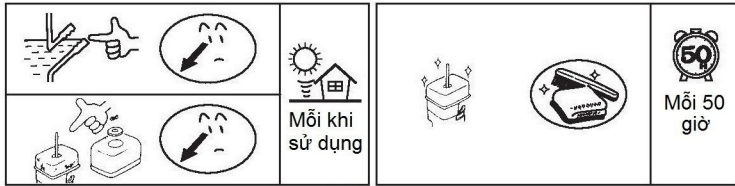
2. Chuyển công tắc máy về vị trí "OFF"



3. Chuyển khóa xăng về vị trí "OFF".



### 5. BẢO DƯỠNG MÁY



(2) Việc này phải được thực hiện bởi đại lý nơi bạn mua máy.

### DUNG TÍCH NHỚT

GX120 - GX160 - GX200	GX240 - GX270 GX340 - GX390
0.6 Lit	1.1 Lit



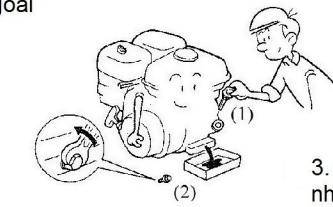
NHỚT DÙNG CHO ĐỘNG CƠ 4 THỊ

LOẠI NHỚT  
SAE 10W-30 API  
CẤP SE HOẶC CAO HƠN

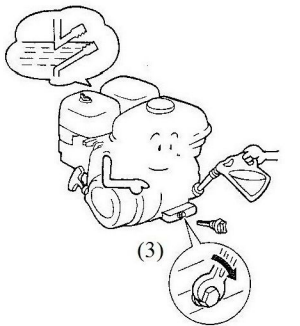
### 1. THAY NHỚT

1. Tháo que thăm nhớt.

2. Tháo bu lông xả nhớt và xả hết nhớt ra ngoài



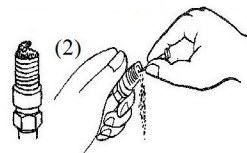
3. Siết chặt bu lông xả nhớt và châm nhớt đến mức qui định



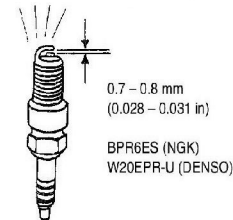
### 2. BUGI

1. Tháo bugi ra ngoài

2. Làm sạch muội than bám trên bugi.



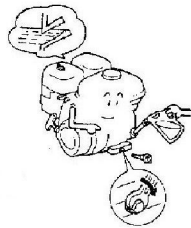
3. Đo khe hở bugi và điều chỉnh



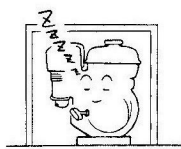
0.7 - 0.8 mm  
(0.028 - 0.031 in)

BPR6ES (NGK)  
W20EPR-U (DENSO)

4. Siết chặt bu lông xả nhớt và châm nhớt mới vào đến mức quy định



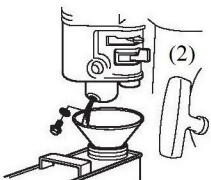
5. Kéo nhẹ tay nắm giạt cho đến khi có cảm giác nặng tay thì thả nhẹ tay



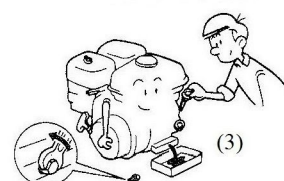
6. Lưu trữ động cơ ở nơi sạch, khô ráo

### 6. LƯU TRỮ

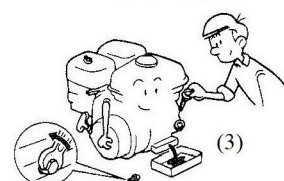
1. Xả hết nhiên liệu trong bình chứa. KHÔNG DÙNG BOM ĐIỆN



2. Xả hết nhiên liệu trong bình xăng con



3. Tháo bu lông xả nhớt và xả hết nhớt ra ngoài



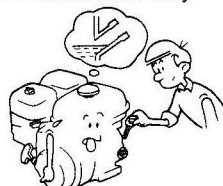
### 7. SỰ CỐ

#### ĐỘNG CƠ KHÔNG KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC

1. Kiểm tra nhiên liệu



2. Kiểm tra nhớt máy

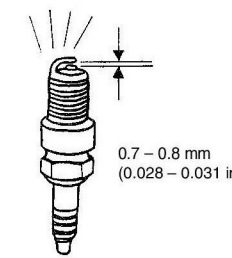
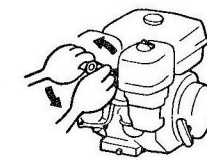


OK  
NẾU NHIÊN LIỆU, NHỚT ĐẦY ĐỦ

### KHỞI ĐỘNG MÁY

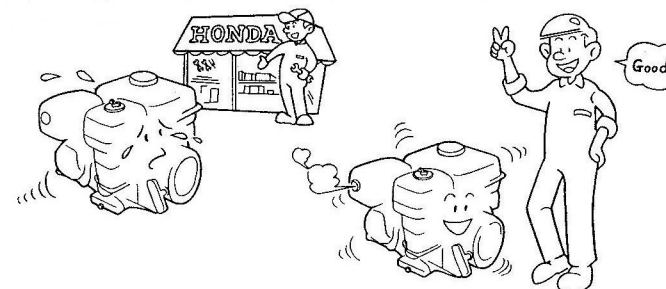
NO NẾU KHÔNG KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC

Tháo và kiểm tra bugi



0.7 - 0.8 mm  
(0.028 - 0.031 in)

Nếu động cơ vẫn không khởi động được, vui lòng mang tới đại lý của Honda



### 8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	GX120	GX160	GX200
Loại động cơ	4 thì, 1 xi lanh, xupap treo, nghiêng 25°		
Dung tích xi lanh	118 cc	163 cc	196 cc
Đường kính x hành trình piston	66.0 x 42.0 mm	68.0 x 45.0 mm	68.0 x 54.0 mm
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J607a	2.9 kW (4.0 mã lực)/4000 v/p	4.0 kW (5.5 mã lực)/4000 v/p	4.8 kW (6.5 mã lực)/3600 v/p
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349	2.6 kW (3.5 mã lực)/3600 v/p	3.6 kW (4.8 mã lực)/3600 v/p	4.1 kW (5.5 mã lực)/3600 v/p
Momen xoắn cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349	7.3 N.m / 2500 v/p	10.3 N.m / 2500 v/p	12.4 N.m / 2500 v/p
Tỉ số nén	8.5:1	9.0:1	8.5:1
Suất tiêu hao nhiên liệu	1.0 lít/giờ	1.4 lít/giờ	1.7 lít/giờ
Kiểu làm mát	Bằng gió cưỡng bức		
Góc đánh lửa	20° BTDC	18° BTDC	20° BTDC
Kiểu bugi	BPR6ES (NGK)/W20EPR-U (DENSO)		
Bộ chế hòa khí	Loại nằm ngang, cánh bướm		
Lọc gió	Bản khô/Lọc ướt/Lọc kép		
Điều tốc	Kiểu cơ khí ly tâm		
Kiểu bôi trơn	Tát nhớt cưỡng bức		
Dung tích nhớt	0.58 lít		0.6 lít
Dừng động cơ	Kiểu ngắt mạch nổi đất		
Loại nhiên liệu	Xăng không chì có chỉ số octan 92 trở lên		
Dung tích bình nhiên liệu	2.0 lít		3.1 lít

	GX240	GX270	GX340	GX390
Loại động cơ	4 thì, 1 xi lanh, xupap treo, nghiêng 25°			
Dung tích xi lanh	270 cc	270 cc	389 cc	389 cc
Đường kính x hành trình piston	77.0 x 58.0 mm	77.0 x 58.0 mm	88.0 x 64.0 mm	88.0 x 64.0 mm
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J607a	6.0 kW (8.0 mã lực)/3600 v/p	6.6 kW (9.0 mã lực)/3600 v/p	8.2 kW (11.0 mã lực)/3600 v/p	9.6 kW (13.0 mã lực)/3600 v/p
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349	5.9 kW (7.9 mã lực)/3,600 v/p	6.3 kW (8.4 mã lực)/3,600 v/p	8.0 kW (10.7 mã lực)/3,600 v/p	8.7 kW (11.7 mã lực)/3,600 v/p
Momen xoắn cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349	18.3 N.m / 2500 v/p	19.1 N.m / 2500 v/p	26.4 N.m / 2500 v/p	26.5 N.m / 2500 v/p
Tỉ số nén	8.5:1	8.5:1	8.2:1	8.2 ± 0.2:1
Suất tiêu hao nhiên liệu	2.2 lít/giờ	2.4 lít/giờ	3.1 lít/giờ	3.5 lít/giờ
Kiểu làm mát	Bằng gió cưỡng bức			
Góc đánh lửa	10° BTDC			
Bộ chế hòa khí	Loại nằm ngang, cánh bướm			
Lọc gió	Lọc ướt/Lọc kép			
Điều tốc	Kiểu cơ khí ly tâm			
Kiểu bôi trơn	Tát nhớt cưỡng bức			
Dung tích nhớt	1.1 lít			
Dừng động cơ	Kiểu ngắt mạch nổi đất			
Loại nhiên liệu	Xăng không chì có chỉ số octan 92 trở lên			

Ghi chú: một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không báo trước